

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ CHƠN THÀNH  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 53/2024/DS-ST

Ngày: 17/9/2024.

Về việc “*Tranh chấp  
hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Mạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hồ Thị Xuân Thiều

Bà Lương Thị Thu An

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Hồng Huế - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2024/TLST-DS ngày 26/3/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2024/QĐXX-ST ngày 14/8/2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần H; Địa chỉ: Số E A, N, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L - Chức vụ Tổng Giám đốc; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Bùi Đức Q - Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Q1; Địa chỉ liên hệ: Tầng A Tòa nhà T - A N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo uỷ quyền lại: Bà Huỳnh Thị Như N, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số A đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

*Bị đơn:* ông Trần Bá D, sinh năm 1980; Trú tại: Tổ C, khu phố B, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần H (sau đây viết tắt là M) trình bày:**

Giữa MSB – Chi nhánh B – P và ông Trần Bá D đã ký kết các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 148471.00837/2023/HĐCV ngày 23/03/2023; Số tiền vay là 1,9000,000,000 đồng; Mục đích vay vốn: Vay hoàn vốn huy động từ ông Tô Duy T (CCCD 040091012444) để mua bất động sản là thửa đất số 46, tờ bản đồ số 49, địa chỉ: Khu phố B, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước; Thời hạn vay 324 tháng; Lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 23/03/2024 là 13,75%/năm (cơ sở tính một năm là 365 ngày); Kỳ điều chỉnh lãi suất 3 tháng/lần; Mức điều chỉnh lãi suất: Bằng lãi suất tham chiếu áp dụng cho khách hàng cá nhân vay có tài sản bảo đảm được công bố tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 3,5%/năm. Ngày điều chỉnh lãi suất kỳ đầu tiên: 24/03/2024. Ngày điều chỉnh lãi suất định kỳ là ngày 25; Phương thức trả nợ: Gốc trả đều hàng tháng, lãi trả hàng tháng tính trên dư nợ thực tế giảm dần. Số kỳ trả gốc 324 kỳ; Ngày trả nợ gốc đầu tiên là ngày 25/04/2023, các kỳ tiếp theo nợ gốc được trả 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng. Số tiền gốc phải trả mỗi kỳ là 5,864,198 đồng; kỳ cuối trả tất toán; Lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay thông thường trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 148471.00838/2023/HĐTCHM ngày 22/03/2023; Số tiền vay là 50,000,000 đồng; Mục đích vay vốn: Phục vụ đời sống, nhu cầu chi tiêu cá nhân; Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất thấu chi trong hạn: Lãi suất vay áp dụng kể từ ngày cấp hạn mức thấu chi cho đến ngày 22/04/2024 là 20,5%/năm (năm là 365 ngày); Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất thấu chi trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả.

- Thẻ tín dụng; Hạn mức được cấp: 50,000,000 đồng; Thời hạn sử dụng: 36 tháng (từ ngày 29/03/2023 đến 29/03/2026).

Biện pháp bảo đảm cho các hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 148471.00837/2023/HĐCV ngày 23/03/2023; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 148471.00838/2023/HĐTCHM, ngày 22/03/2023 và Thẻ tín dụng ngày 29/3/2023, M với ông Trần Bá D đã ký hợp đồng thế chấp số 00837/2023/BĐ và Phụ lục 01 các điều khoản chung, số công chứng: 001985 quyển số: 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C, tỉnh Bình Phước vào ngày 23/03/2023, tài sản thế chấp là thửa đất số: 46, tờ bản đồ số: 49, diện tích 296,0 m<sup>2</sup>, địa chỉ: Khu phố B, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH807359, số vào sổ cấp GCN: CS23965, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 06/01/2023 cho ông Trần Bá D và tài sản gắn liền với đất; Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Thực hiện hợp đồng thì cùng ngày 24/03/2023, M đã giải ngân cho ông D số tiền 1,900,000,000 đồng theo hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 148471.00837/2023/HĐCV ngày 23/03/2023; Cấp hạn mức thấu chi số tiền 50,000,000 đồng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 148471.00838/2023/HĐTCHM, ngày 22/03/2023; Đồng thời, ngày 29/03/2023 ông D cũng sử dụng thẻ tín dụng, hạn mức thẻ là 50,000,000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông D đã thanh toán được số tiền: 87,386,177 đồng. Cụ thể: Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số

148471.00837/2023/HĐCV ngày 23/03/2023 là 84,675,671 đồng (Trong đó, trả nợ gốc 17,592,594 đồng và trả nợ lãi 67,083,077 đồng); Hợp đồng tín dụng hạn mức số 148471.00838/2023/HĐTCHM ngày 22/03/2023 là 2,710,506 đồng (Trong đó, trả nợ gốc 0 đồng và trả nợ lãi 2,710,506 đồng);

Ông D bắt đầu quá hạn từ tháng 7/2023, M nhiều lần liên hệ yêu cầu ông D thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng ông D không thực hiện. Do vậy, ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi tại các hợp đồng tín dụng nêu trên và để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của M, M yêu cầu Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước giải quyết như sau:

- Buộc ông Trần Bá D phải trả cho M toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 17/09/2024 với tổng số tiền là 2,325,987,965 đồng, cụ thể:

Tại hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 148471.00837/2023/HĐCV ngày 23/03/2023 số tiền là 2,235,468,034 đồng. Trong đó, nợ gốc là 1,882,407,406 đồng; nợ lãi là 296,676,713 đồng và lãi quá hạn 53,383,914 đồng.

Tại hợp đồng tín dụng hạn mức số 148471.00838/2023/HĐTCHM, ngày 22/03/2023 số tiền là 65,206,507 đồng. Trong đó, nợ gốc là 50,000,000 đồng; nợ lãi là 10,137,671 đồng và lãi quá hạn 5,068,836 đồng.

Tại thẻ tín dụng ngày 29/03/2023 số tiền là 75,313,425 đồng. Trong đó, nợ gốc là 50,000,000 đồng; nợ lãi là 17,457,534 đồng và lãi quá hạn 7,855,890 đồng.

- Kể từ ngày 18/09/2024, ông D còn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn quy định tại các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi ông D thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng.

- Trường hợp, ông D không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì M được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 00837/2023/BĐ và Phụ lục 01 các điều khoản chung, số công chứng: 001985 quyền số: 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Lê L1, tỉnh Bình Phước, ngày 23/03/2023 để thu hồi nợ vay. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho MSB thì ông Trần Bá D vẫn có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ còn lại cho M.

***Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn ông Trần Bá D trình bày:***

Ông D thừa nhận có ký kết với M các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản như M trình bày nêu trên. Tuy nhiên, do việc làm ăn không thuận lợi nên ông D gặp khó khăn trong việc trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, việc M yêu cầu ông D trả nợ thì ông D đồng ý nhưng lẽ ra trước khi khởi kiện M phải thông báo và tạo điều kiện cho ông D gia hạn việc trả nợ. Nay ông D đề nghị giao cho M toàn bộ tài sản thế chấp vì khi thẩm định giá cho vay phía M đã định giá tài sản thế chấp của ông D hơn 03 tỷ đồng thì M mới đồng ý cho ông D vay số tiền như thể hiện tại các hợp đồng tín dụng nêu trên. Ông D đề nghị giao tài sản thế chấp là thửa đất số: 46, tờ bản đồ số: 49, diện tích 296,0 m<sup>2</sup>, địa chỉ: Khu phố B, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH807359, số vào sổ cấp GCN: CS23965, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày

06/01/2023 cho ông Trần Bá D cho M toàn quyền xử lý vì ngoài tài sản thế chấp trên thì thu nhập của ông D chỉ đủ để nuôi con, không có khả năng trả nợ thêm cho M. Về án phí và các chi phí tố tụng khác ông D đề nghị M nộp cho Nhà nước, khi nào có điều kiện ông D sẽ hoàn trả lại. Ngoài ra, ông D không có ý kiến nào khác.

***Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cung cấp bảng tính nợ gốc và lãi của các hợp đồng tín dụng đến ngày xét xử sơ thẩm;
- Bị đơn ông D có mặt không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào.

***Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:***

+ *Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử:*

Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

+ *Về quan điểm giải quyết vụ án:*

Ông D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho các khoản vay của M tại hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 148471.00837/2023/HĐCV ngày 23/03/2023; hợp đồng tín dụng hạn mức số 148471.00838/2023/HĐTCHM ngày 22/03/2023 và thẻ tín dụng ngày 29/3/2023 ký giữa M và ông D nên các yêu cầu khởi kiện của M là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các hợp đồng tín dụng nêu trên và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 chấp nhận các yêu cầu của M, buộc ông D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Ngoài ra, buộc ông D phải chịu án phí và các chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn MSB yêu cầu bị đơn ông D có nghĩa vụ trả các khoản nợ gốc và lãi tại các hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn ông D có nơi cư trú tại Khu phố B, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về hợp đồng tín dụng: Giữa M và ông D có ký các hợp đồng gồm:

- Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 148471.00837/2023/HĐCV ngày 23/03/2023, theo đó M cho ông D vay số tiền là 1,9000,000,000 đồng; Mục đích vay vốn để mua bất động sản; ngày 24/3/2023 MSB đã giải ngân cho ông D toàn bộ số tiền vay nêu trên.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số:148471.00838/2023/HĐTCHM ngày 22/03/2023; Số tiền vay là 50,000,000 đồng và thẻ tín dụng ngày 29/3/2023, theo đó M cho ông D hạn mức sử dụng số tiền là 50.000.000 đồng/hợp đồng (tổng 02 hợp đồng là 100.000.000 đồng), mục đích là phục vụ đời sống, nhu cầu chi tiêu cá nhân, lãi suất 20.5%/năm, ông D đã sử dụng toàn bộ số tiền theo hạn mức nêu trên.

Việc M và ông D thoả thuận ký kết các hợp đồng tín dụng nêu trên là tự nguyện, về nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành đối với các bên.

[2.2]. Về nghĩa vụ trả nợ:

- Đối với hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 148471.00837/2023/HĐCV ngày 23/03/2023, theo nội dung của hợp đồng các bên thoả thuận thời hạn trả nợ gốc là trả đều hàng tháng, lãi trả hàng tháng tính trên dư nợ thực tế giảm dần, số kỳ trả gốc 324 kỳ, ngày trả nợ gốc đầu tiên là ngày 25/04/2023, các kỳ tiếp theo nợ gốc được trả 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, số tiền gốc phải trả mỗi kỳ là 5,864,198 đồng. Tuy nhiên, ông D chỉ trả được số tiền nợ gốc là 17,592,594 đồng và nợ lãi là 67,083,077 đồng; Từ tháng 07/2023 cho đến nay ông D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thoả thuận nên ông D đã vi phạm hợp đồng. Do vậy, căn cứ hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 148471.00837/2023/HĐCV ngày 23/03/2023 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì M khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông D thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi tại hợp đồng tín dụng nêu trên là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể số tiền nợ gốc và nợ lãi ông D có nghĩa vụ phải trả cho M tạm tính từ ngày 27/7/2023 đến ngày 17/9/2024 tại hợp đồng này với tổng số tiền là 2,235,468,034 đồng. Trong đó, nợ gốc là 1,882,407,406 đồng; nợ lãi là 296,676,713 đồng và lãi quá hạn 53,383,914 đồng.

- Đối với hợp đồng hợp đồng tín dụng hạn mức số: 148471.00838/2023/HĐTCHM ngày 22/03/2023 thì hạn mức M cho ông D vay là 50.000.000 đồng, các bên thoả thuận thời hạn cuối trả nợ gốc và lãi là ngày 22/04/2024, ông D đã sử dụng hết số tiền theo hạn mức của hợp đồng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng ông D chỉ trả được 2,710,506 đồng tiền lãi, chưa trả được số tiền nợ gốc nào, đã hết thời hạn trả nợ nhưng cho đến nay ông D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thoả thuận nên ông D đã vi phạm hợp đồng. Do vậy, căn cứ hợp đồng hợp đồng tín dụng hạn mức số: 148471.00838/2023/HĐTCHM ngày 22/03/2023 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì M khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông D thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi tại hợp đồng tín dụng nêu trên là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể số tiền nợ gốc và nợ lãi ông D có nghĩa vụ phải trả cho M tạm tính từ ngày 22/9/2023 đến ngày 17/9/2024 tại

hợp đồng này với tổng số tiền là 65,206,507 đồng. Trong đó, nợ gốc là 50,000,000 đồng; nợ lãi là 10,137,671 đồng và lãi quá hạn là 5,068,836 đồng.

- Đối với hợp đồng thế tín dụng ngày 29/3/2023 thì hạn mức M cho ông D sử dụng thế 50.000.000 đồng, các bên thoả thuận thời hạn cuối trả nợ gốc và lãi là 36 tháng tính từ ngày 29/3/2023, ông D đã sử dụng hết số tiền theo hạn mức của thế tín dụng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng ông D chưa trả cho M số tiền nợ gốc và lãi nào nên ông D đã vi phạm hợp đồng, do vậy yêu cầu khởi kiện của M là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể số tiền nợ gốc và nợ lãi ông D có nghĩa vụ phải trả cho M tạm tính từ ngày 29/9/2023 đến ngày 17/9/2024 tại thế tín dụng ngày 29/3/2023 với tổng số tiền là 75,313,425 đồng. Trong đó, nợ gốc là 50,000,000 đồng; nợ lãi là 17,457,534 đồng và lãi quá hạn là 7,855,890 đồng.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi ông D có nghĩa vụ phải thanh toán cho M tạm tính đến ngày 17/09/2024 là 2,325,987,965 đồng (Hai tỷ, ba trăm hai mươi lăm triệu, chín trăm tám mươi bảy ngàn, chín trăm sáu mươi lăm đồng).

Kể từ ngày 18/09/2024, ông D còn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn tại hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số: 148471.00837/2023/HĐCV ngày 23/03/2023; hợp đồng tín dụng hạn mức số: 148471.00838/2023/HĐTCHM ngày 22/03/2023 và thế tín dụng ngày 29/3/2023 đã ký cho đến khi ông D thanh toán hết các khoản nợ cho M.

[2.3]. Về hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc và lãi của ông D tại các hợp đồng tín dụng nêu tại mục [2.1] thì giữa M và ông D thoả thuận ký kết hợp đồng thế chấp số: 00837/2023/BĐ và Phụ lục 01 các điều khoản chung, số công chứng: 001985, quyền01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng chứng N, tỉnh Bình Phước, ngày 23/03/2023 thế chấp tài sản thừa đất số 46, tờ bản đồ số 49, diện tích 296,0 m<sup>2</sup>, địa chỉ: Khu phố B, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH807359, số vào sổ cấp GCN: CS23965, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 06/01/2023 cho ông Trần Bá D và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, hợp đồng thế chấp nêu trên được M và ông D tự nguyện thoả thuận ký kết, có công chứng, có đăng ký thế chấp, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành đối với các bên. Do vậy, M yêu cầu trong trường hợp ông D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ số tiền nợ như nhận định tại mục [2.2] thì M được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý (kê biên, phát mãi) tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận. Mặt khác, do ông D phải thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho M như nhận định tại mục [2.2] cho đến khi trả hết nợ, vì vậy trường hợp số tiền xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho M thì ông D vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số nợ còn lại cho đến khi trả hết nợ cho M.

[3]. Về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác, do các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn M được chấp nhận nên M không phải chịu án phí và các chi phí tố tụng khác; bị đơn ông D phải chịu án phí, cụ thể: Số tiền án phí ông D phải chịu trên số nợ phải trả (số tiền 2,325,987,965 đồng) tính đến ngày 17/9/2024 là: 72.000.000 đồng + (2% x 325,987,965 đồng) = 78.519.760 đồng. Hoàn trả cho M số tiền 56.983.700 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0004144 ngày 26/3/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Ngoài ra, ông D phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, cụ thể: Số tiền 3.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền ngày 11/4/2024 của Tòa án, do M đã nộp số tiền nêu trên nên ông D có nghĩa vụ phải hoàn trả cho M.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144; 147; 158; 244; 266; 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;
- Căn cứ các 280; 500; 501 và Điều 502 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần H.

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Trần Bá D có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H tổng số tiền là 2,325,987,965 đồng (Hai tỷ ba trăm hai mươi lăm triệu chín trăm tám mươi bảy ngàn chín trăm sáu mươi lăm đồng). Trong đó, nợ gốc và lãi tại hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số:148471.00837/2023/HĐCV ngày 23/03/2023 số tiền là 2,235,468,034 đồng; Tại hợp đồng tín dụng hạn mức số:148471.00838/2023/HĐTCHM ngày 22/03/2023 số tiền là 65,206,507 đồng và tại thẻ tín dụng ngày 29/3/2023 là 75,313,425 đồng.

- Ông Trần Bá D phải tiếp tục trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H số tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số: 148471.00837/2023/HĐCV ngày 23/03/2023 trên số nợ gốc 1,882,407,406 đồng (Một tỷ tám trăm tám mươi hai triệu bốn trăm lẻ bảy ngàn bốn trăm lẻ sáu đồng) kể từ ngày 18/9/2024 cho đến khi ông D trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H.

- Ông Trần Bá D phải tiếp tục trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H số tiền lãi theo mức lãi theo mức lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng tín dụng hạn mức số:148471.00838/2023/HĐTCHM ngày 22/03/2023 trên số nợ gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) kể từ ngày 18/9/2024 cho đến khi ông D trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H.

- Ông Trần Bá D phải tiếp tục trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H số tiền

lãi theo mức lãi thỏa thuận quy định tại thẻ tín dụng ngày 29/3/2023 trên số nợ gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) kể từ ngày 18/9/2024 cho đến khi ông D trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp, ông Trần Bá D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi tại hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số: 148471.00837/2023/HĐCV ngày 23/03/2023; hợp đồng tín dụng hạn mức số: 148471.00838/2023/HĐTCHM ngày 22/03/2023 và thẻ tín dụng ngày 29/3/2023 thì Ngân hàng Thương mại cổ phần H có quyền tự mình hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý (phát mãi) tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp số 00837/2023/BD và Phụ lục 01 các điều khoản chung ngày 23/3/2023 là thửa đất số 46, tờ bản đồ số 49, diện tích 296,0 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố B, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH807359, số vào sổ cấp GCN: CS23965 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 06/01/2023 cho ông Trần Bá D và toàn bộ tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ.

Nếu khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H thì ông Trần Bá D vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số nợ còn lại tại các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi ông D trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Trần Bá D có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Bá D phải chịu án phí với số tiền 78.519.760 đồng (Bảy mươi tám triệu năm trăm mười chín ngàn bảy trăm sáu mươi đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H số tiền 56.983.700 đồng (Năm mươi sáu triệu chín trăm tám mươi ba ngàn bảy trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0004144 ngày 26/3/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận**

- VKSND thị xã Chơn Thành;
- Chi cục THADS thị xã Chơn Thành;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Quốc Mạnh**



